TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Pc**

Bản án số: 39 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Thanh Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Q Kim

2. Bà Nguyễn Thị Lại

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thuý Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà số: 34a/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Th – Sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm C, thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P – Sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm C, thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Toà án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn - chị Lê Thị Th trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn P có thời gian tự do tìm hiểu rồi tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang vào ngày 09/12/1999. Sau khi tổ chức hôn lễ vợ chồng sống cùng nhau

luôn và ở tại đất của bố mẹ chị T. Cuộc sống vợ chồng hạnh Pc được khoảng 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P ham mê cờ bạc, không chăm lo cho vợ con. Khi vợ chồng có những xích mích, cãi cọ nhau thì anh P đã có những lời lẽ xúc phạm chị dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách.Vợ chồng có cách sống và quan điểm sống không giống nhau, từ đó dẫn đến mâu thuẫn không thể hoà hợp được. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 8/2016 cho đến nay. Kể từ khi ly thân hai bên đã được gia đình, bạn bè hoà giải nhiều lần nhưng vẫn không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị T xác định chị và anh P có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Minh H sinh ngày 11/6/2001 và cháu Nguyễn Minh Q sinh ngày 02/02/2008. Cháu H và cháu Q hiện nay đang ở cùng chị và phát triển bình thường. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Chị hiện đang làm giáo viên tại trường Trung học cơ sở xã H, V, Bắc Giang. Ngoài công việc giảng dạy chính trên lớp thì chị còn tham gia giảng dạy thêm tại trường. Thu nhập bình quân hàng tháng của chị là khoảng 11.000.000 đồng/tháng. Với mức thu nhập này, chị đảm bảo có thể chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị Lê Thị Th xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn - anh Nguyễn Văn P có lời khai trong hồ sơ trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Lê Thị Th kết hôn với nhau ngày 09/12/1999 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới hai vợ chồng được tự do tìm hiểu rồi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh về nhà chị T sống và chung sống cùng với gia đình chị T ở xã H. Anh xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được 16 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh thường xuyên đi làm ăn xa, không quan tâm gần gũi nhiều cho vợ con. Từ đó vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ. Từ tháng 6/2016 chị T đã tự ý ly thân dù cho anh không muốn. Nay chị T xin ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn P xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh H sinh ngày 11/6/2001 và Nguyễn Minh Q sinh ngày 02/02/2008. Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng với bố mẹ. Ly hôn anh mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Vấn đề cấp dưỡng anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Anh Nguyễn Văn P xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Xác minh tại địa phương, trưởng xóm C kiêm phó thôn Đ, xã H – bà Thân Thị N trình bày: Vợ chồng chị T anh P có một thời gian tìm hiểu rồi mới tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau. Cưới xong thì anh P về nhà chị T ở và làm rể từ đó đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn hay xô xát gì lớn, chỉ thỉnh thoảng chính quyền thôn có nghe được thông tin là do đặc thù công việc đi làm ăn xa nên anh P có chơi bời cờ bạc, ít quan tâm đến việc nhà. Nay chị

T có đơn xin ly hôn anh P đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, tài sản của anh chị cũng đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn – chị Lê Thị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình đối với anh Nguyễn Văn P, chị xin ly hôn anh P và xin được nuôi cả hai con chung là cháu Nguyễn Minh H và Nguyễn Minh Q, chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra, tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác không có nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn P đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Hội đồng xét xử công bố ý kiến của anh P có trong hồ sơ. Chị Lê Thị Th không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành phát luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Còn bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;, khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án, xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Lê Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Giao chị Lê Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Minh H sinh ngày 11/6/2001 và cháu Nguyễn Minh Q sinh ngày 02/02/2008. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị Lê Thị Th, anh Nguyễn Văn P không yêu cầu Toà án giải quyết.

Án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Việc khởi kiện của chị Lê Thị Th xin ly hôn anh Nguyễn Văn P và xin nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Việt Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên toà hôm nay anh Nguyễn Văn P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh P là có căn cứ.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn P đều trình bày trong hồ sơ anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/1999 tại UBND xã

Hồng Thái, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Chị T cũng đã cung cấp được Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bản gốc. Như vậy, hôn nhân của chị T và anh P là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T và anh P đều xác định vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng cách đây 01 năm cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn nhưng anh P không đồng ý. Tuy nhiên qua xác minh tại địa phương thì thấy thực sự mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong quá trình Toà án giải quyết, anh P không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, việc chị T xin ly hôn anh P là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn P xác nhận anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Minh H sinh ngày 11/6/2001 và cháu Nguyễn Minh Q sinh ngày 02/02/2008. Hiện nay cháu H và cháu Q đang ở cùng chị T và phát triển bình thường. Ly hôn chị T và anh P đều có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của chị T được trực tiếp nuôi hai con chung là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cả hai con chung cháu H và cháu Q. Cả hai cháu từ nhỏ đến nay đều ở với mẹ, cuộc sống sinh hoạt và học tập ổn định, phát triển hoàn toàn bình thường. Chị T là giáo viên, công việc mang tính chất ổn định lâu dài có thu nhập tốt khoảng 11.000.000 đồng/tháng, chị lại có kỹ năng sư phạm. Còn anh P làm công việc xây dựng thường xuyên đi lại xa nhà, thu nhập không ổn định, anh cũng không chứng minh được thu nhập của mình tại Toà án. Vì vậy để đảm bảo cho hai cháu H và Q có cuộc sống phát triển bình thường, ổn định tâm lý cho hai cháu Hội đồng xét xử thấy cần giao cả hai cháu H và Q cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết đưa ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị Lê Thị Th và anh Nguyễn Văn P đều xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án, chị Lê Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Lê Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Giao chị Lê Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Nguyễn Minh H sinh ngày 11/6/2001 và cháu Nguyễn Minh Q sinh ngày 02/02/2008. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh P có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Lê Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2012/04487 ngày 07/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo thời hạn kháng cáo là 15 ngày cho đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
-Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên